

Số: 3770465

|                                            | Kia Carens 1.5 Deluxe | Kia New Seltos 1.5 Turbo Deluxe |
|--------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>579.000.000đ</b>   | <b>619.000.000đ</b>             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                       |                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4540 x 1800 x 1750    | 4365 x 1800 x 1645              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2780                  | 2610                            |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5310                  | 5300                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                   | 190                             |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1297                  | 1234                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1920                  | 1690                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 216                   | 433                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                    | 50                              |
| Số chỗ ngồi                                | 7                     | 5                               |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước      | SX-LR trong nước                |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                       |                                 |
| Loại động cơ                               | SmartStream 1.5G      | Smartstream 1.5G Turbo          |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1,497                 | 1497                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 113 / 6,300           | 158 Hp/ 5500 rpm                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4,500           | 253 Nm/ 1500 - 3500 rpm         |
| Hộp số                                     | IVT                   | 7DCT                            |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)       | Cầu trước (FWD)                 |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson             | McPherson                       |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn            | Thanh cân bằng                  |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                   | Đĩa                             |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                   | Đĩa                             |
| Thông số lốp xe                            | 215/55 R17            | 215/60 R17                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.4                   |                                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.9                   |                                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.8                   |                                 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                       |                                 |
| Cụm đèn trước                              | Halogen               | Halogen                         |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                     | ●                               |
| Cụm đèn sau                                | LED                   | Halogen                         |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                     | ●                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                       |                                 |
| Vô lăng bọc da                             | ●                     | Urethane                        |
| Chất liệu ghế                              | Da Simili             | Da                              |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                     | ●                               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                     | ●                               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                     | ●                               |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2" TFT + SEG LCD    | 4.2"                            |
| Màn hình giải trí trung tâm                | Android 8"            | 10.25"                          |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                     | ●                               |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                     | Tự động 2 vùng                  |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | ●                     | ●                               |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                     | ●                               |
| Khởi động nút bấm                          | ●                     | ●                               |

|                                         |       |       |
|-----------------------------------------|-------|-------|
| Khởi động từ xa                         | ●     | ●     |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa | 6 loa |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●     | ●     |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |       |       |
| Số túi khí                              | 2     | 2     |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●     | ●     |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●     | ●     |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●     | ●     |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●     | ●     |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●     | ●     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau   | ●     |
| Camera lùi                              | ●     | ●     |